

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2021/DS-PT
Ngày: 16/11/2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn
Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí
Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/TLPT-DS ngày
05/5/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án số 453/2020/DS-ST ngày 31/7/2020, của Tòa án nhân dân Quận
A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2051/2021/QĐ-PT ngày
12/5/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3609/2021/QĐ-PT
ngày 18/10/2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị B, sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú: 68/15 Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ
Chí Minh. Tạm trú: 160/26 Đường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn
xin vắng mặt).

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh 1972.
2. Bà Dương Tuấn I, sinh 1972.

Cùng địa chỉ tạm trú: 553/16 Đường J (Số mới 16 Đường K), Phường L,
Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2014; Các bản tự khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị B trình bày:

Bà Đào Thị B và vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I có quen biết với nhau.

Ngày 30/6/2011, bà B và vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I lập “Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm” với nội dung: Bà B cho ông H, bà I vay số tiền 140.000.000 đồng, không lãi suất, không thế chấp, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng được công chứng số 12507, quyển số 6 ngày 30/6/2011 tại Phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H và bà I đã nhận đủ số tiền 140.000.000 đồng. Hết thời hạn hợp đồng vay nêu trên, bà B đã liên tục nhiều lần yêu cầu ông H, bà I trả nợ nhưng không được. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà I phải trả cho bà số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 9%/năm.

Ngày 23/7/2020, nguyên đơn bà B có đơn bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện: Xác định yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 140.000.000 đồng. Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 01/3/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Tổng cộng là 238.874.445 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 453/2020/DS-ST ngày 31/7/2020, của Tòa án nhân dân Quận A đã căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92, các Điều 93, 94, 95, 96, 97, khoản 3 Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 264, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9; Điều 26, 30, 35, 53 và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự. Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị B.

1.1 Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Dương Tuấn I trả cho bà B số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi 94.356.164 đồng. Tổng cộng là 234.356.164 đồng.

1.2 Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi vượt quá quy định của nguyên đơn là 4.518.281 đồng (bốn triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm tám mươi một đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên bị đơn chịu lãi suất tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Nghĩa vụ chịu án phí; Quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 27/01/2021, nguyên đơn bà Đào Thị B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 453/2020/DS-ST ngày 31/7/2020, của Tòa án nhân dân Quận A. Lý do Tòa án sơ thẩm không xem xét lãi; tính tiền án phí chưa đúng. Để hồ sơ vụ án kéo dài. Ngày 13/01/2021 mới được nhận bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm :

Ngày 28/5/2021 (Theo dấu dịch vụ Bưu chính), nguyên đơn bà Đào Thị B gửi “*Đơn xin xét xử vắng mặt*” đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung chính: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A. Vì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền bà B cho bị đơn vay là không đúng pháp luật, gây thiệt thòi cho nguyên đơn. Bị đơn lừa để nguyên đơn cho vay không lãi suất hai năm... Không trả tiền vay, cố tình không đến Tòa án. Thẩm phán Tòa án cấp sơ thẩm không công tâm kéo dài vụ kiện... Không biết Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, đến tháng 01/2021 mới nhận bản án sơ thẩm. Hoàn cảnh khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị B còn trong hạn luật định. Về yêu cầu kháng cáo: Theo Hợp đồng vay tài sản ngày 30/6/2011 tại Phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I đã vay bà Đào Thị B số tiền 140.000.000 đồng không lãi suất, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Quá thời hạn, ông H, bà I đã không thanh toán tiền còn cố tình giấu địa chỉ nên nguyên đơn bà B khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay 140.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 01/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 238.874.445 đồng. Đây là hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị

đơn trả tiền gốc 140.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2016 là 9%/năm; từ 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10%/năm, tổng cộng tiền lãi 94.356.164 đồng là có cơ sở. Do bị đơn cố tình giấu địa chỉ, quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm có tạm đình chỉ và tiếp tục giải quyết vụ án là không vi phạm thời hạn giải quyết vụ kiện. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị B không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thời hạn kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đào Thị B vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Nhận bản án sơ thẩm vào ngày 13/01/2021 và kháng cáo ngày 27/01/2021 là còn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn bà Đào Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết theo quy định tại Điều 40, Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 là cố tình che giấu địa chỉ. Theo xác nhận của Công an Phường L, Quận A: Bị đơn có tạm trú tại số 553/16 Đường J (Số mới 16 Đường K), Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Bị đơn ông H, bà I đã được tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) tại địa chỉ trên để đến tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân Quận A giải quyết và xác định “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định pháp luật.

- *Về áp dụng pháp luật nội dung:* Giao dịch dân sự bằng hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự phát sinh từ năm 2011. Đến năm 2014 phát sinh tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án hoặc hủy án sơ thẩm nhưng không bổ sung, cung cấp tài liệu chứng cứ mới mà có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo ý kiến trình bày tại “*Đơn xin xét xử vắng mặt*” ngày 26/5/2021 cho thấy nguyên đơn có ý kiến kháng cáo về tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm, cụ thể:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cố tình kéo dài vụ kiện, hoãn xử nhiều lần; Sau 05 tháng mới nhận bản án, thấy: Theo các biên bản xác minh và biên bản tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho bị đơn ông H, bà I thể hiện bị đơn cố tình giấu địa chỉ, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và vì lý do này hết thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án sau đó tiếp tục giải quyết và việc hoãn phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định tại các Điều 203, 227, 228 BLTTDS. Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án cho nguyên đơn sau 05 tháng xét xử là đã vi phạm Điều 269 BLTTDS cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, sai sót này không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong đó có quyền kháng cáo, vì vậy lý do kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở.

[2.2] Nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi 10%/năm trên số tiền cho bị đơn vay là không đúng, gây thiệt thòi cho nguyên đơn; tính tiền án phí chưa đúng, thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập ngày 30/6/2011, là trường hợp vay tài sản không có lãi, việc trả lãi chậm trả đối với khoản tiền 140.000.000 đồng cũng không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay. Nhưng căn cứ khoản 2 Điều 305; khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nguyên đơn bà B có yêu cầu thanh toán lãi chậm trả thì bị đơn ông H, bà I phải có nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định pháp luật tại Bộ luật dân sự năm 2005 và năm 2015 về lãi suất chậm trả; Nghị quyết 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để tính lãi suất chậm trả 9%/năm từ ngày 01/7/2013 đến ngày 31/12/2016 và từ ngày 01/1/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 10%/ năm là đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Đào Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận là 225.000 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Nguyên đơn bà Đào Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và căn cứ pháp luật viện dẫn kể trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định pháp luật, để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả; về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, chấp nhận ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, 148; Điều 227, 228, 238; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 453/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị B.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị B số tiền nợ gốc 140.000.000 (*Một trăm bốn mươi triệu*) đồng và 94.356.164 (*Chín mươi bốn triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn*) đồng tiền lãi chậm trả. Tổng cộng là 234.356.164 (*Hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn*) đồng.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi vượt quá quy định của nguyên đơn bà Đào Thị B là 4.518.281 (*Bốn triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm tám mươi mốt*) đồng.

Kể từ ngày bà Đào Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I còn phải chịu tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Dương Tuấn I phải chịu án phí sơ thẩm là 11.717.808 (*Mười một triệu bảy trăm mười bảy*

ngàn tám trăm lẻ tám) đồng. Nguyên đơn bà Đào Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 225.000 (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.900.000 (*Ba triệu chín trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2014/0000052 ngày 05/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A và được hoàn trả số tiền chênh lệch.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Đào Thị B phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0019708 ngày 02/3/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)